

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 19 – 01 – 2023  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Hồng Dương

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Lệ N, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Cao C, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Lệ N, thể hiện:**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Lệ N và anh Trần Cao C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn, anh C có quan hệ với người phụ nữ khác, được gia đình khuyên can nhưng anh C không sửa đổi. Từ nguyên nhân trên, chị N xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con tên Trần Mộng T2, sinh ngày 23/8/2004, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ và các vấn đề khác: Không có.

\* *Đối với anh Trần Cao C*: Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh C không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Lệ N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Cao C đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Chị N và anh C tự nguyện chung sống vào năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo chị N, khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn, anh C có quan hệ với người phụ nữ khác, được gia đình khuyên can nhưng anh C không sửa đổi. Từ nguyên nhân trên, chị N xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Anh C không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị N yêu cầu xin ly hôn với anh C mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Chị N xác định không có; anh C không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Lệ N và anh Trần Cao C.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013273 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị N đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**